|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH LẠNG SƠN  **SỞ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Lạng Sơn, ngày tháng 02 năm 2026* |

**Bản so sánh, thuyết minh dự thảo**

**“Quyết định ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn”**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Căn cứ pháp lý** | **Dự thảo Quyết định** | **Thuyết minh** | **Ghi chú** |
| 1 | **Điều 1**  - Khoản 1, khoản 2 Điều 65 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật:  *“1. Phạm vi điều chỉnh của văn bản phải nêu các nội dung chính của văn bản.*  *2. Trường hợp văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn có điều, khoản giao quy định chi tiết thì phải nêu cụ thể điều, khoản đó tại điều, khoản quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản.”*  - Điều 1 và Điều 2 Nghị định 313/2025/NĐ-CP: ***“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh***  *1. Nghị định này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.*  *2. Các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này:*  *a) Các khoản viện trợ không hoàn lại của các cơ quan, tổ chức nước ngoài mà việc tiếp nhận phải được ký kết chính thức theo quy định của**[Luật Điều ước quốc tế](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Luat-dieu-uoc-quoc-te-2016-303284.aspx" \t "_blank) và các khoản viện trợ không hoàn lại trong các thỏa thuận về vốn ODA phải được ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*  *b) Các khoản quà biếu, quà tặng cho cá nhân, tổ chức không vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, từ thiện;*  *c) Các khoản tài trợ có phát sinh lợi nhuận để phân chia theo các hình thức: thỏa thuận hợp tác, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng chuyển giao công nghệ;*  *d) Các cá nhân tiếp nhận tài trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học thực hiện theo**[Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Luat-Khoa-hoc-Cong-nghe-va-Doi-moi-sang-tao-2025-so-93-2025-QH15-581164.aspx" \t "_blank);*  *đ) Viện trợ quốc tế khẩn cấp của Chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, cá nhân nước ngoài để cứu trợ được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 03 tháng kể từ khi xảy ra thiên tai và viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 09 tháng kể từ khi xảy ra thiên tai.*  ***Điều 2. Đối tượng áp dụng***  *1. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại (sau đây gọi tắt là viện trợ) thuộc phạm vi điều chỉnh nêu tại Điều 1 Nghị định này.*  *2. Bên cung cấp viện trợ được quy định tại Nghị định này là các tổ chức, cá nhân nước ngoài có thiện chí, tôn trọng và chấp hành luật pháp Việt Nam, bao gồm:*  *a) Các tổ chức quốc tế, tổ chức liên chính phủ, tổ chức chính phủ được chính phủ nước ngoài ủy quyền;*  *b) Các bộ, cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ nước ngoài, chính quyền địa phương nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam trực tiếp cung cấp khoản viện trợ hoặc ủy quyền cho các tổ chức pháp nhân nước ngoài quản lý các khoản viện trợ;*  *c) Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân được thành lập theo luật pháp nước ngoài;*  *d) Các cá nhân nước ngoài, bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài;*  *đ) Các doanh nghiệp được thành lập theo luật pháp nước ngoài, không bao gồm các tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của**[Luật Đầu tư](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Dau-tu-so-61-2020-QH14-321051.aspx" \t "_blank);*  *e) Các tổ chức nghiên cứu và đào tạo được thành lập theo luật pháp nước ngoài (bao gồm cả các viện nghiên cứu, tổ chức hợp tác thuộc chính phủ nước ngoài).*  *3. Bên tiếp nhận viện trợ được quy định tại Nghị định này là các cơ quan, tổ chức Việt Nam được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của khoản viện trợ tiếp nhận bao gồm:*  *a) Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;*  *b) Tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện được thành lập hợp pháp theo các quy định của pháp luật Việt Nam về hội;*  *c) Các tổ chức khoa học, công nghệ, trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ được thành lập theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được tiếp nhận viện trợ theo quy định của Nghị định này khi đáp ứng: công khai giá trị, nội dung và mục tiêu khoản viện trợ; kết quả đầu ra của khoản viện trợ; thực hiện kiểm toán độc lập khoản viện trợ; không sử dụng vốn viện trợ vào hoạt động thương mại, phân chia lợi nhuận;*  *d) Doanh nghiệp xã hội tiếp nhận viện trợ để thực hiện mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường theo quy định của Nghị định này khi đáp ứng công khai giá trị, nội dung và mục tiêu khoản viện trợ, kết quả đầu ra của khoản viện trợ, thực hiện kiểm toán độc lập khoản viện trợ, không sử dụng vốn viện trợ vào hoạt động thương mại, phân chia lợi nhuận;*  *đ) Các đối tượng khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.”* | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng** | Quyết định này quy định Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại Điều 1 và Điều 2 Nghị định 313/2025/NĐ-CP. |  |
| 2 | **Điều 2**  Điều 4 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP của Chính phủ:  *“****Điều 4. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ***  *1. Quản lý và sử dụng viện trợ phải tuân thủ pháp luật Việt Nam. Các khoản viện trợ chỉ được tiếp nhận, thực hiện, sử dụng khi đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt. Nguồn tiền viện trợ phải là nguồn tiền, tài sản hợp pháp.*  *2. Không tiếp nhận những hàng hóa (kể cả vật tư, thiết bị) thuộc danh mục các mặt hàng cấm nhập khẩu theo quy định của pháp luật Việt Nam.*  *3. Cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm toàn diện trong tiếp nhận, quản lý và sử dụng hiệu quả khoản viện trợ.*  *4. Dòng tiền tiếp nhận và chi ra cho khoản viện trợ phải được thực hiện thông qua tài khoản tiếp nhận viện trợ, bảo đảm tính công khai, minh bạch, được báo cáo đầy đủ theo quy định tại các Chương III, IV, V Nghị định này.*  *5. Viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước được xác định tại**khoản 11 Điều 3 và được thực hiện theo nguyên tắc quản lý tài chính quy định tại**khoản 1 Điều 20 Nghị định này phải được dự toán (trừ trường hợp vốn viện trợ do Bên cung cấp viện trợ trực tiếp quản lý và thực hiện giải ngân), hạch toán, quyết toán đầy đủ vào ngân sách nhà nước theo quy định của**[Luật Ngân sách nhà nước](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Luat-ngan-sach-nha-nuoc-2025-so-89-2025-QH15-650061.aspx" \t "_blank) và các văn bản pháp luật liên quan. Việc lập dự toán, quyết toán các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thực hiện theo quy định tại**Điều 63 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn liên quan.*  *6. Vốn viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước được thực hiện tuân thủ theo các quy định về kế toán, thuế hiện hành; điều lệ hoạt động của Bên tiếp nhận viện trợ và không trái với các quy định của pháp luật Việt Nam.*  *7. Sau 06 tháng kể từ ngày khoản viện trợ được phê duyệt, trường hợp xuất hiện các yếu tố không phù hợp hoặc nguyên nhân bất khả kháng về nguồn vốn, thể chế, chính sách hoặc các nguyên nhân khác dẫn đến chưa thực hiện hoặc không thể tiếp tục thực hiện khoản viện trợ, trên cơ sở báo cáo của chủ khoản viện trợ, cơ quan chủ quản ra quyết định dừng tiếp nhận hoặc không tiếp tục thực hiện dự án, phi dự án. Cơ quan chủ quản có trách nhiệm thông báo cho Bên cung cấp viện trợ và các cơ quan liên quan về quyết định dừng tiếp nhận khoản viện trợ”.* | **Điều 2. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ** | Dự thảo nhấn mạnh UBND tỉnh thống nhất quản lý và phân cấp rõ trách nhiệm. Điều này dựa trên thẩm quyền của UBND tỉnh tại Điều 16 Luật số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025. |  |
| 3 | **Điều 3+4**  Căn cứ theo Điều 8. Hồ sơ khoản viện trợ và cơ quan tiếp nhận hồ sơ và Điều 9. Cơ quan chủ trì thẩm định của Nghị định 313/2025/NĐ-CP. | **Điều 3. Lập hồ sơ khoản viện trợ**  **Điều 4. Cơ quan chủ trì thẩm định** | Dự thảo giao Sở Tài chính là cơ quan đầu mối tiếp nhận và chủ trì thẩm định cho phù hợp tình hình thực tế và theo quy định. |  |
| 4 | **Điều 5**  Căn cứ theo Điều 10. Lấy ý kiến, thẩm định, phê duyệt văn kiện dự án, khoản viện trợ phi dự án và Điều 11. Quyết định phê duyệt của Nghị định số 313/2025/NĐ-CP | **Điều 5. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh** | Dự thảo tuân thủ quy trình và thời hạn của Nghị định số 313/2025/NĐ-CP để cải cách thủ tục hành chính tại địa phương. |  |
| 5 | **Điều 6**  Căn cứ Điều 12, 14, 15, 16, 17, 19 của Nghị định số 313/2025/NĐ-CP về tổ chức quản lý dự án; Nhiệm vụ, quyền hạn của chủ khoản viện trợ; Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban quản lý dự án; Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án, phi dự án trong quá trình thực hiện; Bán hàng hóa thuộc các khoản viện trợ; Xử lý tranh chấp | **Điều 6. Quản lý thực hiện viện trợ** | Dự thảo dẫn chiếu trực tiếp đến Nghị định số 313/2025/NĐ-CP để đảm bảo tính thống nhất trong thực thi pháp luật an ninh, quốc phòng.  Dự thảo yêu cầu chủ khoản viện trợ gửi báo cáo kết thúc dự án đến Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Tài chính để theo dõi, tổng hợp. |  |
| 6 | **Điều 7**  Căn cứ theo điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 của Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.  Căn cứ theo Điều 17 của Nghị định 313/2025/NĐ-CP và Pháp luật về tài sản công. | **Điều 7. Quản lý tài chính viện trợ** | Dự thảo dẫn chiếu trực tiếp đến Nghị định số 313/2025/NĐ-CP để đảm bảo tính thống nhất trong thực thi pháp luật an ninh, quốc phòng.  Dự thảo Quy định cụ thể việc Quản lý vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện khoản viện trợ.  Tài sản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước được quản lý theo luật tài sản công; tài sản khác thực hiện theo cam kết với nhà tài trợ.  Tài sản của khoản viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nướcn thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 13/2025/NĐ-CP. |  |
| 7 | **Điều 9**  Căn cứ theo Chương V (Từ Điều 28 đến Điều 33) của Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và chức năng nhiệm vụ của các sở, ban, ngành và các cơ quan khác có liên quan. | **Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan** | Phân công cụ thể trách nhiệm: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Công an tỉnh, Sở Ngoại vụ và các sở ngành, cơ quan khác có liên quan. |  |
| 8 | **Điều 10**  - Khoản 1 Điều 53 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025:  *“1. Thời điểm có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương.*  *Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành; đồng thời phải được đăng tải ngay trên công báo điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng.”* | **Điều 9. Điều khoản thi hành** | 1. Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.  2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng các văn bản mới thì các nội dung được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó.  3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế; các cơ quan, đơn vị, tổ chức phản ánh bằng văn bản gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp./. |  |